

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/DS-PT.

Ngày: 30 - 8 - 2021.

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Đặng Ngọc Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh L.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh L:** Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 192/2021/QĐ-PT ngày 12/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 213/2021/QĐ-PT ngày 27/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 230/2021/QĐ-PT ngày 23/8/2021, giữa các đương sự:

1-**Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 91 T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Có mặt.

2- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1980; địa chỉ: Nhà trọ số 20 T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Trong năm 2018, bà có cho ông Nguyễn Hoàng N vay nhiều lần tiền, tổng cộng số tiền bà cho ông N vay là 6.750.000.000đ (sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể: Ngày 23/8/2018, bà cho ông N vay 200.000.000đ; Ngày 24/8/2018, bà cho ông N vay 700.000.000đ; Ngày 25/8/2018, bà cho ông N vay 1.000.000.000đ; Ngày 28/8/2018, bà cho ông N vay 500.000.000đ; Ngày 14/9/2018, bà cho ông N vay 750.000.000đ; Ngày 21/9/2018, bà cho ông N vay 1.600.000.000đ; Ngày 24/9/2018, bà cho ông N vay 2.000.000.000đ.

Sau khi cho vay số tiền trên thì ông N đã trả cho bà số tiền 1.600.000.000đ, còn lại 5.150.000.000đ ông N chưa trả. Do ông N có tình không trả nên bà đã làm đơn đề nghị Công an huyện Đ giải quyết; đến ngày 13/3/2020 tại Công an huyện Đ ông N đã trả cho bà số tiền 700.000.000đ; ông N còn nợ lại bà 4.450.000.000đ hẹn làm ăn trả dần nhưng sau khi thỏa thuận ông N vẫn không trả, bà đã đòi nhiều lần nhưng không được. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N phải trả cho bà số tiền mà ông N còn nợ bà là 4.450.000.000đ (bốn tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N trình bày: Do có quen biết với ông Lê Văn Thiện - là nhân viên Ngân hàng ACB - Chi nhánh L nên ông có làm trung gian môi giới cho bà L và ông Thiện trong việc ông Thiện dùng tiền của bà L để đáo hạn ngân hàng. Đến giai đoạn năm 2018 ông nhận tiền từ bà L với số tiền 6.750.000.000đ để chuyển qua cho ông Thiện. Từ tháng 8/2018, do ông Thiện không chuyển tiền lãi cho bà L nên đến tháng 10/2018, ông Thiện đã dùng tài sản là căn nhà ở đường Nguyễn Tử Lực, thành phố Đà Lạt để ủy quyền cho ông chuyển nhượng cho bà L để trừ nợ 800.000.000đ. Sau đó, ông Thiện đưa thêm 500.000.000đ cho ông trả cho bà L. Đến tháng 11/2018 ông trực tiếp vay ngân hàng 300.000.000đ để trả cho bà L thay cho ông Thiện. Đến năm 2019, ông và bà L đã làm đơn tố cáo lên Công an tỉnh L về nội dung ông Thiện chiếm đoạt tài sản của bà L nhưng cơ quan Công an xác định là vụ việc vay mượn dân sự, nên sau đó bà L mới khởi kiện ông ra Tòa án.

Nay bà L khởi kiện ông trả số tiền nêu trên thì ông không đồng ý, ông đề nghị bà L khởi kiện ông Thiện trả số tiền trên.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Hoàng N có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 4.450.000.000đ (bốn tỉ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/4/2021, bị đơn ông Nguyễn Hoàng N kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Lê Văn Thiện, không xem xét giấy xác nhận thể hiện ông Lê Văn Thiện xác nhận nợ ông Nguyễn Hoàng N số tiền 6.950.000.000đ từ bà Huỳnh Thị L đưa qua, không làm rõ việc ông Thiện cầm trừ nhà và đất với số tiền 800.000.000đ và 500.000.000đ tiền mặt ông Thiện đã đưa qua cho ông N để ông N giao cho bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo. Nguyên đơn bà L không chấp nhận kháng cáo của ông Nam, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Nam; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 4.450.000.000đ. Còn ông N thì không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Vì vậy, các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của ông Nam:

Theo giấy mượn tiền ngày 23/8/2018 thì bà L cho ông N mượn 200.000.000đ, có chữ ký xác nhận của người mượn tiền là ông N (bút lục số 68); theo giấy mượn tiền ngày 24/8/2018 thì bà L cho ông N mượn 700.000.000đ, có chữ ký xác nhận của người mượn tiền là ông N (bút lục số 69); theo giấy mượn

tiền ngày 25/8/2018 thì bà L cho ông Nmượn 1.000.000.000đ, có chữ ký xác nhận của người mượn tiền là ông N(bút lục số 65); theo giấy mượn tiền ngày 28/8/2018 thì bà L cho ông Nmượn 500.000.000đ, có chữ ký xác nhận của người mượn tiền là ông N(bút lục số 70); theo giấy mượn tiền ngày 14/9/2018 thì bà L cho ông Nmượn 750.000.000đ, có chữ ký xác nhận của người mượn tiền là ông N(bút lục số 66); theo giấy mượn tiền ngày 21/9/2018 thì bà L cho ông Nmượn 1.600.000.000đ, có chữ ký xác nhận của người mượn tiền là ông N(bút lục số 64); theo giấy mượn tiền ngày 24/9/2018 thì bà L cho ông Nmượn 2.000.000.000đ, có chữ ký xác nhận của người mượn tiền là ông N(bút lục số 67). Tổng số tiền mà bà L cho ông N vay là 6.750.000.000đ phù hợp với lời thừa nhận của ông N tại biên bản làm việc ngày 20/11/2019 (bút lục số 40).

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà L thừa nhận ông N đã trả cho bà số tiền nợ gốc 1.600.000.000đ; còn lại 5.150.000.000đ (bút lục số 09); đến ngày 13/3/2020 tại Công an huyện Đ thì ông N đã trả cho bà số tiền 700.000.000đ (bút lục số 08); còn nợ lại bà 4.450.000.000đ hẹn làm ăn trả dần nhưng sau khi thỏa thuận ông N không trả nên bà L khởi kiện đòi lại số tiền trên.

[4] Ông N cũng thừa nhận có nợ bà L số tiền theo các giấy mượn tiền nêu trên nhưng cho rằng ông chỉ là người trung gian giới thiệu để bà Huỳnh Thị L cho ông Lê Văn Thiện vay số tiền trên nên ông N đề nghị Tòa án cần đưa ông Lê Văn Thiện vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và buộc ông Lê Văn Thiện là người có trách nhiệm trả số tiền này. Tuy nhiên, toàn bộ các giấy mượn tiền nêu trên thì dưới dòng chữ người mượn tiền là chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Hoàng N. Ông N cũng thừa nhận ông là người nhận tiền và viết giấy vay nợ, cũng như giấy xác nhận nợ ngày 13/3/2020 tại Công an huyện Đ thì ông cũng là người ký sau khi ông trả tiếp số tiền 700.000.000đ cho bà L tại cơ quan Công an (bút lục số 08). Do đó, lời trình bày của ông N là không có căn cứ để xem xét.

[5] Ông N cho rằng ông là người trung gian để bà L cho ông Thiện vay tiền; tuy nhiên, ông N không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà L cho ông Thiện vay tiền, bà L lại không thừa nhận lời trình bày của ông N.

Trong khi đó, ông N cũng thừa nhận chính ông N là người trực tiếp ký giấy vay nợ và nhận tiền và cũng là người trực tiếp trả một số tiền đã vay cho bà Huỳnh Thị L và xác nhận số nợ còn lại là 4.450.000.000đ. Vì vậy, việc ông N đề nghị Tòa án đưa ông Thiện vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan trọng vụ án này là không cần thiết và buộc ông Thiện phải có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu cho bà L là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Với những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L để buộc ông N có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 4.450.000.000đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nam, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hoàng N phải chịu 112.450.000đ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị L; bị đơn ông Nguyễn Hoàng N;

- Căn cứ Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Hoàng N.

Buộc ông Nguyễn Hoàng N có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 4.450.000.000đ (bốn tỉ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hoàng N phải chịu 112.450.000đ (một trăm mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 28.112.500đ (hai mươi tám triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí mà bà L đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000671 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Hoàng N phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà ông N đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001408 ngày 08/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Ông N đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh L;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự (02);
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Hữu Nhân